

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/HS-ST
Ngày: 24-02-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Bằng.

Ông Đoàn Văn Chì.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thảo, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên đã tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 06/2020/TLST-HS ngày 08 tháng 01 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 02 năm 2020 đối với bị cáo:

Lò Văn T (tên gọi khác: Không), sinh năm 1971, tại Điện Biên. Nơi cư trú: Bản N, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Không; dân tộc: Khơ Mú; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lò Văn B, sinh năm 1945 và bà Lò Thị S, sinh năm 1946; có vợ Lương Thị V, sinh năm 1979 và 02 người con, con lớn nhất sinh năm 2001, con nhỏ nhất sinh năm 2003; tiền án: 01 tiền án (Ngày 05/02/2018, bị Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại Khoản 1 Điều 249 BLHS với mức án 12 tháng tù, ngày 21/9/2018 ra trại), tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/11/2019 đến ngày 12/11/2019 tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Lò Văn T: Bà Nguyễn Thị P, Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên (Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 03/11/2019 Lò Văn T đang ở nhà tại bản N, xã N, huyện Đ thì có một người đàn ông tên là D nhà ở thành phố Đ đến đặt mua 04 túi hồng phiến với giá 2,5 triệu đồng/01 túi, T đồng ý. Sau đó, Lò Văn T đi lên khu vực đầu bản H, xã N, huyện Đ mua được 04 túi hồng phiến của một người đàn ông tên là C, T đã quen biết từ trước với giá 02 triệu đồng/01 túi. T trả tiền cho C 08 triệu đồng. Về nhà T lấy 01 viên hồng phiến ra để sử dụng, số hồng phiến còn lại T cất vào 01 hộp bìa catton. Ngày 09/11/2019, T gọi điện thoại cho D thông báo đã mua được 04 túi hồng phiến. Đến khoảng 16 giờ 30 phút ngày 10/11/2019, D đi xe máy đến nhà T, D mua của T 01 viên hồng phiến để sử dụng với giá 50.000 đồng; D đưa cho T một tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng số tiền còn thừa 150.000 đồng D cho T để đi mua thức ăn. Trong khi hai bên đang trao đổi mua bán ma túy thì tổ công tác Công an vào kiểm tra phát hiện bắt quả tang thu giữ 04 túi Methamphetamine có tổng khối lượng 77,79 gam T đang cầm trên tay, còn D bỏ chạy thoát.

Tại Bản Kết luận giám định số 1027/GĐ-PC09 ngày 19/11/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Điện Biên kết luận:

- 08 (tám) mẫu viên nén màu hồng, màu xanh trích ra từ vật chứng thu giữ của Lò Văn T gửi giám định là chất ma túy: Loại Methamphetamine.

- Khối lượng vật chứng thu giữ của Lò Văn T là 77,79 gam.

- Methamphetamine nằm trong danh mục các chất ma túy, STT: 323, Mục IIC, Danh mục II, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018.

Bản Cáo trạng số 06/CT-VKS-P1 ngày 06/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên truy tố ra trước Toà án nhân dân tỉnh Điện Biên để xét xử bị cáo Lò Văn T về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm b Khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm b Khoản 3 Điều 251, điểm s Khoản 1 Điều 51; điểm h Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lò Văn T từ 16 năm đến 17 năm tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về vật chứng vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lò Văn T.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng và bản luận tội của Kiểm sát viên. Lời nói sau cùng bị cáo Lò Văn T đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Lò Văn T không có ý kiến tranh luận gì về tội danh, điều luật mà Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã truy tố và bản luận tội của Kiểm sát viên. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến điều kiện sinh sống của bị cáo Lò Văn T: Bị cáo do hiểu biết pháp luật còn nhiều hạn chế, trình độ văn hóa không có, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, ăn năn hối cải nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất theo đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên, để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Lời khai của bị cáo Lò Văn T trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang; kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định:

Vào ngày 03/11/2019, Lò Văn T đang ở nhà (bản N, xã N, huyện Đ) thì có một người đàn ông tên là D (nhà ở thành phố Đ) đến đặt mua 04 túi hồng phiến với giá 2,5 triệu đồng/01 túi, T đồng ý đồng, sau đó đi lên khu vực bản H, xã N, huyện Đ mua 04 túi hồng phiến của người đàn ông tên C với giá 2 triệu đồng/01 túi, T trả trước cho C 8 triệu đồng. Ngày 09/11/2019, T gọi điện cho D thông báo đã mua được 04 túi hồng phiến. Khoảng 16 giờ 30 phút 10/11/2019, D đi xe máy đến nhà T, mua của T 01 viên hồng phiến để sử dụng với giá 50.000 đồng, trong khi các bên đang trao đổi mua bán thì T bị tổ công tác Công an huyện Đ bắt giữ kiểm tra (D bỏ chạy thoát). Qua khám xét, tổng khối lượng các chất ma túy thu giữ của Lò Văn T là 77,79 gam Methamphetamine, mục đích để sử dụng và bán kiếm lời.

Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận bị cáo Lò Văn T đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b Khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự, kết luận của kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo Lò Văn T là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, gây mất trật tự tại địa phương, gây dư luận xấu trên địa bàn. Mặt khác, ma túy là nguyên nhân phát sinh các tệ nạn xã hội và tội phạm khác. Hành vi mua bán trái phép chất ma túy của bị cáo Lò Văn T là đặc biệt nghiêm trọng. Nguyên nhân xuất phát từ động cơ, mục đích mua bán trái phép chất ma túy của bị cáo là do háo hức và để phục vụ cho nhu cầu của bản thân.

Về tình tiết định khung hình phạt:

Bị cáo Lò Văn T đã có hành vi cất giấu 77,79 gam Methamphetamine mục đích để sử dụng và bán kiếm lời, đã cấu thành tình tiết định khung được quy định tại điểm b Khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân tỉnh Điện Biên truy tố đối với bị cáo Lò Văn T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b Khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, bị cáo không bị oan sai.

Điều 251 Bộ luật Hình sự quy định:

“3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm:

... b) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 30 gam đến dưới 100 gam”.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, phù hợp với quy định của pháp luật, cần chấp nhận.

Đối với đề nghị của người bào chữa về việc xử phạt bị cáo ở mức hình phạt thấp nhất theo đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên và xin miễn hình phạt bổ sung và miễn án phí cho bị cáo; bởi sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo hiểu biết pháp luật còn nhiều hạn chế, bị cáo là dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế khó khăn. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo T của người bào chữa là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về hình phạt bổ sung:

Theo quy định tại Khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015:

“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.

Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy, nghề nghiệp của bị cáo là làm ruộng, thu nhập không ổn định, không có tài sản riêng có giá trị. Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, thấy rằng:

Bị cáo Lò Văn T sinh sống tại Bản N, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Do háms lợi, bị cáo đã bất chấp pháp luật để thực hiện hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy” và bị bắt giữ từ ngày 10/11/2019 cho đến nay.

Bị cáo Lò Văn T đã bị kết án về tội ít nghiêm trọng, mới chấp hành xong hình phạt tù chưa được xóa án tích lại tái phạm nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng là tái phạm được quy định tại điểm h Khoản 1 Điều 52 BLHS.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Điện Biên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện theo đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, phù hợp với các quy định của pháp luật.

[6] Về vật chứng vụ án: Theo quy định tại Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, số vật chứng đã thu giữ của bị cáo cần xử lý như sau:

- Đối với 76,24 gam Methamphetamine thu giữ của Lò Văn T là vật chứng của vụ án còn lại sau khi giám định, cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 hộp bìa catton màu đỏ, Lò Văn T dùng để đựng ma túy, cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 (một) tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đang lưu hành là tiền do bị cáo phạm tội mà có nên cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm d Khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do bị cáo Lò Văn T là dân tộc thiểu số, đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế khó khăn nên Hội đồng xét xử quyết định miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo

[8] Về các vấn đề khác:

Lò Văn T khai người đàn ông tên là C trú tại bản G, xã N, huyện Đ đã bán ma túy cho T, qua điều tra tại bản G A, G B, xã N, huyện Đ không có đối tượng nào tên là C, do đó Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

Đối với đối tượng tên là D đặt mua ma túy của Lò Văn T, do T không biết rõ địa chỉ nên không có căn cứ để điều tra xác minh làm rõ, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b Khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

1. Tuyên bố: Bị cáo Lò Văn T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

2. Áp dụng điểm b Khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự, điểm s Khoản 1 Điều 51; điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lò Văn T 16 (Mười sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/11/2019.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

*** Tịch thu tiêu hủy:**

- 76,24 (Bảy sáu phẩy hai tư) gam Methamphetamine là vật chứng của vụ án còn lại sau khi giám định.

- 01 hộp bì catton màu đỏ, kích thước (15x7,7x5)cm.

*** Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước:**

- 01 (một) tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam đang lưu hành.

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên ngày 06/01/2020).

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm d Khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lò Văn T.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Căn cứ các Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, bị cáo có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 24/02/2020).

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Công an tỉnh Điện Biên;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên;
- Cục THADS tỉnh Điện Biên;
- UBND xã N (Thông báo);
- Phòng HC Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Bùi Thị Thu Hằng